

CHỦ ĐỀ 20: NGÀY TUYỆT VỜI

BÀI 1: UÂN UYÊN UYT (tiết 1 – 2, SHS, tr.16 – 17)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1.a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Ngày tuyệt vời* (VD: được tặng cờ luân lưu, được trao vòng nguyệt quế,...).

1.b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần *uân, uyên, uyt* (*cờ luân lưu, chơi bóng chuyền, huyết còi,...*).

2. Nhận diện được vần *uân, uyên, uyt*, tiếng có vần *uân, uyên, uyt*. Nhận diện cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*u*) (có âm cuối /-n/, /-t/), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.

3. Đánh vần được tiếng có vần *uân, uyên, uyt*.

4. Viết chữ cỡ nhỏ các vần *uân, uyên, uyt* và các tiếng, từ ngữ có các vần *uân, uyên, uyt*, tăng tốc độ viết các từ.

5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc tron.

6. Mở rộng vốn từ về những từ chứa tiếng có vần *uân, uyên, uyt*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự kiểu bài dạy học âm vần mới ở phần hướng dẫn chung; tranh chủ đề (nếu có)).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyệt vời* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học tuần trước.

2. Khởi động

- HS mở SHS trang 16 và nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Ngày tuyết rơi*.
- HS nghe GV giải thích nghĩa của từ *tuyết rơi*. HS thảo luận về một ngày tuyết rơi của bản thân. (Gợi ý: GV tổ chức cho HS nói về những điều làm cho mình cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc: “Những lúc nào em thường cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc?”, “Khi ở nhà, điều gì làm em vui vẻ, hạnh phúc?”, “Khi ở trường, điều gì làm em vui vẻ, hạnh phúc?”,...)
- HS quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ có tiếng chứa vần *uân, uyên, uyt* (Gợi ý: “Bức tranh vẽ căn phòng gì trong trường học?”, “Ở đó có treo những cái gì?”, “Ngoài sân là sân tập môn thể dục gì?”, “Trọng tài đang làm gì?”... để giúp HS phát hiện tiếng có vần *uân, uyên, uyt* như *phòng truyền thống, cờ luân lưu, huân chương, bóng chuyền, huyết còi...*).
- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (*truyền, chuyền, luân, huân, huyết*).
- HS phát hiện ra các vần *uân, uyên, uyt*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*uân, uyên, uyt*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *uân*

- HS quan sát, phân tích vần *uân*.
 - HS đánh vần vần *uân*: *u-â-nờ-uân* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).
- #### b. Nhận diện vần *uyên* (như với vần *uân*)
- HS so sánh vần *uyên* và *uân*.
- #### c. Nhận diện vần *uyt* (như với vần *uân*)
- #### d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần
- HS so sánh vần *uân, uyên, uyt*.
 - HS nêu điểm giống nhau giữa các vần *uân, uyên, uyt* (đều có âm *u* đứng trước; có âm cuối */-n/* hoặc */-t/*).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *luân*.
- HS phân tích tiếng *luân*.
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *lờ-uân-luân* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá cờ luân lưu

- HS phát hiện từ khoá *cờ luân lưu*, vần *uân* trong tiếng *luân*.
- HS đánh vần tiếng khoá *luân* (*lờ-uân-luân*).
- HS đọc trơn từ khoá *cờ luân lưu*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá bóng chuyền (như với từ khoá *cờ luân lưu*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá huyết còi (như với từ khoá *cờ luân lưu*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *uân* và chữ *luân*

a1. Viết vần *uân*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *uân* (vần *uân* gồm 3 con chữ *u*, *â* và *n*, chữ *u* đứng trước, chữ *â* đứng giữa, chữ *n* đứng sau).
- HS viết vần *uân* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ *luân*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *luân* (chữ *l* đứng trước, vần *uân* đứng sau).
- HS viết chữ *luân* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết vần *uyên* và chữ *chuyên* (như viết *uân*, *luân*)

c. Viết vần *uyt* và chữ *huyết* (như viết *uân*, *luân*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *uân*, *cờ luân lưu*, *uyên*, *bóng chuyền*, *uyt*, *huyết còi* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *uân*, *uyên*, *uyt* (*tuần tra*, *thuyền buồm*, *xe buýt*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có chứa *uân*, *uyên*, *uyt* (*quần quýt*, *tuần tú*, *uyên ương*, *kim tuyến*, *tu huyết*, ...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (*Mẹ nói tuần đầu Huân sẽ làm quen với ai và việc gì?, Ai đưa Huân vào lớp?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Tìm trong các từ ngữ sau tiếng chứa vần uyt.*
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: *Tìm các tiếng chứa vần uyt.*
- HS đọc các từ ngữ, tìm tiếng chứa vần *uyt*.
- HS nhận diện, đánh vần và đọc trơn vần *uyt*, tiếng, từ chứa vần *uyt*.
- HS có thể nói câu có từ chứa tiếng có vần *uyt*.

8. Cũng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần *uân, uyên, uyt*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *oăt uât uyêt*).

BÀI 2: OĂT UĂT UYÊT (tiết 3 – 4, SHS, tr. 18 – 19)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *oăt, uât, uyêt* (*xuất phát, chỗ ngoặt, trượt tuyết, ...*), trong mạch chung của chủ đề *Ngày tuyết rơi*.
2. Nhận diện được vần, tiếng có vần *oăt, uât, uyêt*, đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.
3. Đánh vần được tiếng có vần *oăt, uât, uyêt*.
4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oăt, uât, uyêt* và các tiếng, từ ngữ có các vần *oăt, uât, uyêt*, tăng tốc độ viết các từ.
5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.
6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Trương tự bài 1: thay *uân, uyên, uyt* bằng *oăt, uât, uyêt*).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyết rơi* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS mở SHS trang 18 và quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *oăt, uăt, uyêt* (VD: “Các vận động viên đang thi đấu những môn thể thao nào?” (*trượt tuyết*), “Các vận động viên đua xe đạp đang ở chỗ nào trên đường đua?” (*vạch xuất phát*), “Trong tranh có biển báo gì?” ...).
- HS nêu các tiếng đã tìm được (*ngoăt, xuăt, tuyết*).
- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được: *ngoăt, xuăt, tuyết*.
- HS phát hiện ra các vần *oăt, uăt, uyêt*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài *oăt uăt uyêt*.

3. Nhận diện vần, tiếng chứa vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oăt*

- HS quan sát, phân tích vần *oăt*.
 - HS đánh vần vần *oăt*: *o-ă-tờ-oăt* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).
- ###### b. Nhận diện vần *uăt* (như với vần *oăt*)
- ###### c. Nhận diện vần *uyêt* (như với vần *oăt*)
- ###### d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *oăt, uăt, uyêt*
- HS so sánh vần *oăt, uăt, uyêt*.
 - HS nêu điểm giống nhau giữa các vần *oăt, uăt, uyêt* (có âm *o/u* đứng trước; có âm cuối */-t/*).
 - HS so sánh vần *uyêt* và *uyên* đã học ở tiết trước và với những vần có cấu trúc tương tự (bắt đầu bằng âm *u*).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *ngoăt*.
- HS phân tích tiếng *ngoăt*.
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *ngờ-oăt-ngoăt-nặng-ngoăt* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá chỗ ngoặt

- HS phát hiện từ khoá *chỗ ngoặt*, vần *oăt* trong tiếng *ngoặt*.
- HS đánh vần tiếng khoá *ngoặt* (*ngờ-oăt-ngoắ-t-nặng-ngoắ*).
- HS đọc trơn từ khoá *chỗ ngoặt*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá xuất phát (như với từ khoá *chỗ ngoặt*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá vòng nguyệt quế (như với từ khoá *chỗ ngoặt*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *oăt* và chữ *ngoặt*

a1. Viết vần *oăt*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oăt* (vần *oăt* gồm chữ *o*, chữ *ă* và chữ *t*, chữ *o* đứng trước, chữ *ă* đứng giữa, chữ *t* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *uân*.)

a2. Viết chữ *ngoặt*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *ngoặt* (chữ *ng* đứng trước, vần *oăt* đứng sau, dấu nặng đặt dưới chữ *ă*).

(Các bước tiếp theo giống như viết chữ *luân*.)

b. Viết vần *uât* và chữ *xuất* (như viết *uân*, *luân*)

c. Viết vần *uyêt* và chữ *nguyệt* (như viết *uân*, *luân*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết vào VTV: *oăt*, *chỗ ngoặt*, *uât*, *xuất phát*, *uyêt*, *vòng nguyệt quế*.
- HS nhận xét bài mình, bài bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *oăt*, *uât*, *uyêt* (*bé loắt choắt*, *phố xá sầm uất*, *người tuyết*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có tiếng chứa *oăt*, *uât*, *uyêt* (VD: *thoăn thoắt*, *đi khuất tầm mắt*, *suất com*, *tuyết vời*, *quyết tâm*,...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (*Nhà sách nằm ở đâu?, Nêu tên truyện mà anh em Nguyệt đã đọc ở nhà sách.*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Giới thiệu bài đã đọc.*
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: Luyện tập giới thiệu về bài đọc đã đọc (GV yêu cầu HS chú ý đề cập đến tên cuốn sách, tác giả, và nói một vài câu về nội dung bài đã đọc).
- HS giới thiệu về cuốn sách/ bài đọc đã đọc (HS có thể nói về một bài thơ, một bài hướng dẫn, một mẫu chuyện).

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần *oanh, uanh, uych*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *oanh, uanh, uych*).

BÀI 3: OANH UANH UYCH (tiết 5 – 6, SHS, tr. 20 – 21)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần *oanh, uanh, uych* (*chim hoàng oanh, khoanh tròn, cây khuynh diệp, ...*), trong mạch chung của chủ đề *Ngày tuyệt vời*.
2. Nhận diện được vần, tiếng có vần *oanh, uanh, uych*, đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.
3. Đánh vần được tiếng có vần *oanh, uanh, uych*.
4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oanh, uanh, uych* và các tiếng, từ ngữ có các vần *oanh, uanh, uych*; tăng tốc độ viết các từ.
5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.
6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *uân, uyên, uyt* bằng *oanh, uynh, uych*).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyệt vời* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).

– HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

– HS mở SHS trang 20 và quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *oanh, uynh, uych* (Có thể sử dụng câu hỏi gợi ý, VD: “Tranh vẽ cảnh gì?” (*gia đình*), “Ông đang làm gì?” (*đứng khoanh tay*), “Trên cành có con chim gì?” (*chim oanh*), “Hoa gì đang nở?” (*hoa quỳnh*), “Cha đang làm gì?” (*khoanh ngày tháng trên tấm lịch*), “Hai bạn nhỏ chơi trò gì?” (*doanh trại*)).

– HS nêu các tiếng đã tìm được (*khoanh, oanh, doanh, quỳnh*).

– HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được: *khoanh, oanh, doanh, quỳnh*.

– HS phát hiện ra các vần *oanh, uynh, uych*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*oanh, uynh, uych*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oanh*

– HS quan sát, phân tích vần *oanh*.

– HS đánh vần vần *oanh*: *o-a-nhờ-oanh*.

b. Nhận diện vần *uynh* (như với vần *oanh*)

c. Nhận diện vần *uych* (như với vần *oanh*)

HS so sánh với những vần có cấu trúc tương tự (bắt đầu bằng âm *u/ o*).

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

– HS so sánh các vần *oanh, uynh, uych*.

– HS nêu điểm giống nhau giữa các vần (có *o* hoặc *u* đứng đầu vần, có *nh/ ch* cuối).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *doanh*.

– HS phân tích tiếng *doanh*.

– HS đánh vần tiếng theo mô hình: *dờ-oanh-doanh*.

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá doanh trại

- HS phát hiện từ khoá *doanh trại*, vần *oanh* trong tiếng *doanh*.
- HS đánh vần tiếng khoá *doanh* (*dờ-oanh-doanh*).
- HS đọc trơn từ khoá *doanh trại*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá phụ huynh (như với từ khoá *doanh trại*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá chạy huỳnh huych (như với từ khoá *doanh trại*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào băng con

a. Viết vần *oanh* và chữ *doanh*

a1. Viết vần *oanh*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oanh* (vần *oanh* gồm 4 con chữ *o*, *a*, và *nh*, chữ *o* đứng trước, chữ *a* đứng giữa, chữ *nh* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *uân*.)

a2. Viết chữ *doanh*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *doanh* (chữ *d* đứng trước, vần *oanh* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết chữ *luân*.)

b. Viết vần *uynh* và chữ *huynh* (như viết *uân*, *luân*)

c. Viết vần *uych* và chữ *huych* (như viết *uân*, *luân*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *oanh*, *doanh trại*, *uynh*, *phụ huynh*, *uych*, *chạy huỳnh huych* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *oanh*, *uynh*, *uych* (*chim hoàng oanh*, *cây khuyneh diệp*, *huych vai*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có chứa vần *oanh*, *uynh*, *uych* (VD: *hoa quỳnh*, *đèn huỳnh quang*, *kinh doanh*, ...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (*Ba mua quà gì cho chị em Hoàng và mẹ Hoàng?, Những ngày ba về phép, ba thường làm gì?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Giải câu đố sau*.
- HS xác định yêu cầu bài tập: *Giải câu đố*.
- HS đọc câu đố, giải câu đố về con voi.
- HS có thể nói câu có từ *con voi*.

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần *oanh, uynh, uych*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *oăng, oam, oap*; đọc bài thơ hoặc câu chuyện hoặc bài hát về biển).

BÀI 4: OĂNG OAM OAP (tiết 7 – 8, SHS, tr. 22 – 23)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *oăng, oam, oap* trong mạch chung của chủ đề *Ngày tuyệt vời*.
2. Nhận diện được vần, tiếng có vần *oăng, oam, oap*. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (o), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.
3. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oăng, oam, oap* các tiếng, từ ngữ có các vần *oăng, oam, oap*; tăng tốc độ viết các từ.
4. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc tron.
5. Mở rộng hiểu biết về biển.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *uân, uyên, uyt* bằng *oăng, oam, oap*).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyết rơi* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS mở SHS trang 22 và quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *oăng, oam, oap* (Có thể sử dụng một số câu hỏi gợi ý giúp HS phát hiện tiếng có vần *oăng, oam, oap*, VD: “Tranh vẽ cảnh gì?” (*các bạn học sinh đi tham quan*); “Các bạn nhìn thấy con gì?” (*con hoẵng*), “Cái cần câu đang làm gì?” (*dùng gâu ngoạm đào mương*), “Tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền nghe như thế nào?” (*ì oap*)...).
- HS nêu các tiếng đã tìm được (*hoẵng, ngoạm, oap*).
- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được: *hoẵng, ngoạm, oap*.
- HS phát hiện ra các vần *oăng, oam, oap*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài *oăng oam oap*.

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oăng*

- HS quan sát, phân tích vần *oăng*.
- HS đánh vần vần *oăng*: *o-ă-ngờ-oăng* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

b. Nhận diện vần *oam* (như với vần *oăng*)

c. Nhận diện vần *oap* (như với vần *oăng*)

HS so sánh với những vần có cấu trúc tương tự (bắt đầu bằng âm *o*).

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

- HS so sánh các vần *oăng, oam, oap*.
- HS nêu điểm giống nhau giữa các vần (có *o* đứng đầu vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *hoẵng*.
- HS phân tích tiếng *hoẵng*.
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *hờ-oăng-hoẵng-ngã-hoẵng*.

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá con hoẵng

- HS phát hiện từ khoá *con hoẵng*, vần *oẵng* trong tiếng *hoẵng*.
- HS đánh vần tiếng khoá *hoẵng* (*hờ-oẵng-hoẵng-ngã-hoẵng*).
- HS đọc trơn từ khoá *con hoẵng*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá ngoạm (như với từ khoá *con hoẵng*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá vỗ ì oạp (như với từ khoá *con hoẵng*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *oẵng* và chữ *hoẵng*

a1. Viết vần *oẵng*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oẵng* (vần *oẵng* gồm 3 chữ *o*, *ã* và *ng*, chữ *o* đứng trước, chữ *ã* đứng giữa, chữ *ng* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *uân*.)

a2. Viết chữ *hoẵng*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *hoẵng* (chữ *h* đứng trước, vần *oẵng* đứng sau).

b. Viết vần *oam* và chữ *ngoạm* (như viết *uân*, *luân*)

c. Viết vần *oap* và chữ *oạp* (như viết *uân*, *luân*)

HS so sánh cấu tạo nét chữ của *oap* và *oam*.

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *oẵng*, *con hoẵng*, *oam*, *ngoạm*, *oap*, *vỗ ì oạp* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *oẵng*, *oam*, *oap* (*chạy loẵng quẵng*, *râu ria xồm xoàm*, *ngoáp*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ chứa vần *oẵng*, *oam*, *oap* (*ôp oạp*, *nhai nhồm nhoàm*, ...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (*Lần đầu ra biển, Doanh cảm thấy thế nào?, Doanh thấy những gì ở bến cảng?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Nói với bạn bài thơ hoặc truyện về biển mà em đã đọc.*
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: *Nói về bài thơ hoặc truyện về biển* (GV hướng dẫn HS chú ý nói tên bài đọc, tên tác giả và một vài câu về nội dung của bài thơ hoặc câu chuyện).
- HS thực hiện yêu cầu HĐMR.

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần *oăng, oam, oap.*
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (*Bài Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các vần *uân, uyên, uyt, oăt, uât, uyêt, oanh, uynh, uych, oăng, oam, oap.*
2. Nhận diện đúng các vần được học trong tiếng, từ, bài đọc.
3. Đánh vần tiếng có vần mới, tập đọc nhanh tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.
4. Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.
5. Hoàn thành được câu theo từ ngữ/ tranh minh họa đã cho.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, VTV, SHS, SGV.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc hoạt động giải trí liên quan đến chủ đề *Ngày tuyết rơi* (có thể tổ chức hoặc không) để tạo tâm thế cho giờ học.
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần đã học ở bài 4.

2. Luyện tập thực hành các âm vần mới

– HS quan sát phần làm mẫu trong VBT. HS trao đổi với bạn về cách thực hiện hoạt động này. GV có thể hướng dẫn thêm để HS hiểu cách thực hiện. Gợi ý: ghép thêm âm đầu để tạo thành tiếng/ từ có nghĩa, có chứa vần được học trong tuần.

- HS thực hiện hoạt động.
- HS đặt câu với những từ vừa tìm được.
- HS rà soát, tự đánh giá bài mình, bài bạn (chọn biểu tượng đánh giá phù hợp).

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

3.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

– HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có vần mới học có trong bài *Ở đường sách*, đánh vần các tiếng đó.

- HS đọc trơn tiếng/ từ chứa vần mới được học trong tuần.

3.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc *Ở đường sách*.
- HS tìm hiểu nội dung bài đọc (*Mẹ đưa Nguyệt đi đâu?, Nêu hình ảnh em thích trong bài đọc.*).
- HS dựa vào bài đọc, hoàn thành câu bằng cách điền vào chỗ trống.

4. Ôn luyện quy tắc chính tả và phân biệt chính tả phương ngữ

- HS nhắc lại quy tắc chính tả *c-/k-*. HS thực hiện bài tập chính tả có quy tắc.
- HS thực hiện bài tập chính tả phương ngữ. GV lựa chọn một, hai bài tập theo những đặc điểm chính tả phương ngữ của HS trong lớp mình. Các bài tập còn lại, có thể thực hiện vào giờ tự học.
- HS đặt câu với một vài từ vừa tìm được.
- HS tự đánh giá kết quả hoạt động của mình và của bạn theo sự hướng dẫn của GV.

5. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có âm chữ mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết (Gợi ý: Chú ý các trường hợp dễ nhầm lẫn như *uynh/ uych, ...*).
- HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học.
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (tiết 10 – 12, SHS, tr. 24 – 25)

A. ÔN TẬP (tiết 10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Cùng cô được các vần *uân, uyên, uyt, oăt, uât, uyêt, oanh, uynh, uych, oăng, oam, oap*.
2. Sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.
3. Đánh vần thầm tiếng có vần được học trong tuần, đọc trơn bài đọc.
4. Thực hiện đúng các bài tập chính tả.
5. Viết đúng cụm từ ứng dụng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VBT, VTV, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyệt vời* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần đã học (ở bài 4).

2. Ôn tập các vần được học trong tuần

- HS mở SHS, trang 24.
- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS đọc các vần đã học trong tuần.
- HS tìm điểm giống nhau giữa các vần *uân, uyên, uyt, oăt, uât, uyêt, oanh, uynh, uych, oăng, oam, oap*.
- HS tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *uân, uyên, uyt, oăt, uât, uyêt, oanh, uynh, uych, oăng, oam, oap*.
- HS nói câu có từ ngữ có tiếng chứa vần *uân, uyên, uyt, oăt, uât, uyêt, oanh, uynh, uych, oăng, oam, oap*.

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

3.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

- HS nghe GV đọc bài thơ.
- HS đánh vần và đọc trơn các tiếng có vần được học trong tuần (*xuân, hoẵng, oanh, thuyền, oàm oạp, tuyết, ...*).

3.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS tìm hiểu về bài thơ (*Kể tên các con vật theo thứ tự được nhắc đến trong bài thơ; Em thích con vật, cảnh vật nào nhất? Vì sao?*).

TIẾT 2

4. Tập viết và chính tả

4.1. Tập viết cụm từ ứng dụng

- HS đánh vần các từ có trong cụm từ ứng dụng *ngày tuyết rơi*.
- HS tìm tiếng chứa vần đã học trong tuần (*tuyết*).
- HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của tiếng *tuyết* trong từ *ngày tuyết rơi*.
- HS viết cụm từ ứng dụng vào VTV với cỡ chữ nhỏ.

4.2. Nhìn – viết

- HS đọc trơn hai dòng thơ cuối, các tiếng chứa vần đã học có trong hai dòng thơ đó.
- HS nhìn – viết hai dòng thơ vào VTV.
- HS kiểm tra bài viết, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

4.3. Bài tập chính tả

- HS thực hiện bài tập chính tả vào VBT (Dựa trên cơ sở bài đọc và tên chủ đề, GV tự soạn bài tập cho HS. Bài tập chính tả quy tắc hay chính tả phương ngữ tùy thuộc vào lỗi chính tả thường gặp/ những trường hợp chính tả mà GV muốn luyện tập cho HS lớp mình.).
- HS kiểm tra bài làm, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), sửa lỗi nếu mắc lỗi.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

5. Hoạt động mở rộng

- HS luyện nói về chủ đề *Ngày tuyết rơi*.
- HS tham gia hát/ đọc đồng dao, đọc thơ kết hợp vận động, VD: trò chơi *Nhảy lò cò vòng quanh thế giới*: vẽ các vòng kẻ tiếp hoặc xoắn ốc, mỗi vòng có các từ ngữ có tên gọi liên quan đến *Ngày tuyết rơi*, có âm vần được học. HS nhảy vào vòng nào đọc các từ ngữ đó,...

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ chứa vần vừa được ôn tập, nhắc lại mô hình vần được học.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học, hướng dẫn HS đọc mở rộng.
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

B. KỂ CHUYỆN VƯỢT QUA NỖI SỢ (tiết 12)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Vượt qua nỗi sợ*, tên chủ đề *Ngày tuyết rơi* và tranh minh hoạ.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ, và câu hỏi gợi ý.
3. Trả lời câu hỏi nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân mình.
4. Sử dụng ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.
5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
6. Bồi dưỡng phẩm chất dũng cảm, tự tin, vượt lên chính mình, và phẩm chất nhân ái: biết động viên, khuyến khích người khác.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Tranh minh hoạ truyện.
- Clip hoặc tranh ảnh giới thiệu về môn thể thao leo núi trong nhà (leo núi nhân tạo).

Nội dung truyện

Vượt qua nỗi sợ

1. Liên bị chứng sợ độ cao. Mỗi lần lên cao, cô bé đều vã mồ hôi, tim đập thình thịch. Nhưng Liên vẫn muốn vượt qua nỗi sợ. Vì vậy, ngoài việc tập thể dục đều đặn, tập hít thở sâu, Liên xin ba mẹ cho mình tham gia lớp học leo núi trong nhà.

2. Nhưng tập leo núi không dễ dàng. Trong khi các bạn đã leo lên và giật được cái chuông ở “đỉnh núi” chỉ sau một vài buổi tập, thì Liên vẫn loay hoay ở những bước chân đầu tiên. Cô bé không dám thả tay ra khỏi các khối đá giá đĩnh trên tường.

3. Thấy vậy, các bạn cổ vũ:

– Chỉ một chút nữa thôi Liên ơi. Đừng nhìn xuống!

– Cố lên, Liên ơi.

Thầy giáo thì bảo:

– Hít thở sâu vào.

4. Thế là, từng chút một, Liên leo lên được “đỉnh núi”. Từ đó nhìn xuống, mặc dù vẫn còn hơi sợ, nhưng Liên cảm thấy vui sướng và tự hào. Liên đã vượt qua nỗi sợ của mình!

Bùi Ngọc Liên

Câu hỏi:

1. Sau khi leo được đến “đỉnh núi”, Liên cảm thấy như thế nào?

2. Em có nỗi sợ nào không? Em đã vượt qua nỗi sợ đó bằng cách nào?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyệt vời* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước: “Tên câu chuyện là gì?” (*Sự tích hoa ngọc lan*), “Câu chuyện kể về những nhân vật nào?”, “Em thích nhân vật/ chi tiết nào?”...

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Vượt qua nỗi sợ*.

– HS quan sát tranh minh họa, phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?” (*bạn gái, các bạn trong lớp tập leo núi, giáo viên hướng dẫn môn tập leo núi*) “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*phòng tập leo núi nhân tạo*), “Vì sao lúc đầu bạn nhỏ nép vào người cha?” (*sợ độ cao*), “Cuối cùng, bạn ấy có leo được không?”, “Nhờ đâu bạn làm được điều đó?” (*các bạn cổ vũ,...*).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Em nghĩ Liên có leo lên được đỉnh núi giống các bạn không?”, “Em nghĩ Liên sẽ bỏ cuộc chứ?”).

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV sử dụng câu hỏi gợi ý dưới tranh để giúp HS ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ. GV nhắc HS việc sử dụng các từ ngữ chỉ trật tự diễn biến của câu chuyện vào đoạn tương ứng.

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Sau khi leo lên được “đỉnh núi”, Liên cảm thấy như thế nào?, “Em có nỗi sợ nào không?”, “Em đã thử vượt qua nỗi sợ đó chưa?”).

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật HS yêu thích, lí do yêu thích.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng).

– HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Bông hoa niềm vui*).